

ĐỊA DANH VÙNG CỬA SÔNG TRÊN ĐẤT NAM ĐỊNH NGÀY NAY: TRƯỜNG HỢP ĐỘC BỘ VÀ GIAO THỦY

ĐINH THUY HIÊN*

Trong quá trình tìm hiểu một số vấn đề lịch sử ở khu vực tỉnh Nam Định ngày nay, chúng tôi bắt gặp một số địa danh lịch sử như Hải Thanh, Đại An, Giao Thủy, Độc Bộ... mà việc nghiên cứu nó sẽ làm sáng tỏ nhiều vấn đề của lịch sử dân tộc. Tuy không xa lạ với giới nghiên cứu, song cho tới nay vẫn chưa có được những lý giải thực sự cặn kẽ và thấu đáo về việc thực chất chúng là gì, vị trí cụ thể ở đâu, quá trình thay đổi trong hàng thế kỷ ra sao... Điều này thúc giục chúng tôi đi sâu tìm hiểu và đi đến nhận thức rằng tất cả các địa danh kể trên dù sớm muộn khác nhau đều từng gắn với vùng đất cửa sông ven biển ở hạ lưu sông Hồng và sông Đáy ngày nay. Đó là vùng đất được hình thành và phát triển thông qua hai quá trình song hành là thành tạo tự nhiên và quá trình khai phá của con người. Để hiểu được các địa danh đó, do vậy, cần đặt chúng trong bối cảnh vùng duyên hải Bắc Bộ. Trong bài viết này, chúng tôi chọn nghiên cứu trường hợp các địa danh Độc Bộ và Giao Thủy. Chúng tôi sử dụng phương pháp liên ngành, kết hợp nghiên cứu tư liệu trong phòng với điều tra thực địa, từ những dòng

ghi chép ít ỏi, súc tích, thậm chí đôi khi thiếu thống nhất của sử cũ, kết hợp với tài liệu địa lý địa mạo và lịch sử di dân ở địa phương nhằm góp phần nhận diện về hai địa danh kể trên. Từ những dẫn giải về các địa danh cụ thể, bài viết một mặt nhằm đến khái quát bước đầu về đặc điểm cơ bản của địa danh vùng cửa sông ven biển trong lịch sử Việt Nam, mặt khác rút ra ý nghĩa phương pháp luận đối với việc nghiên cứu địa danh lịch sử vùng ven biển nói chung.

1. Địa danh Độc Bộ

1.1. Sông Độc Bộ

Tên sông Độc Bộ xuất hiện muộn trong thư tịch cổ Việt Nam. *Đại Nam nhất thống chí* cho biết sông Độc Bộ ở huyện Đại An, tức là hạ lưu của sông Vị Hoàng, hợp với ba ngọn nước tỉnh Ninh Bình rồi đổ ra cửa Liêu (1). *Đại Nam dư địa chí ước biên* của Cao Xuân Dục nói thêm rằng sông “đổ ra cửa Liêu. Vua Thuần Hoàng nhà Lê di Tây Kinh trở về, diễn tập thủy trận trên sông đó” (2). Từ các dẫn liệu trên thì sông Độc Bộ thời nhà Nguyễn chính là đoạn sông Đáy từ ngã ba Độc Bộ ngày nay ra đến biển.

* ThS. Khoa Lịch sử. Trường Đại học KHXH&NV-DHQGHN

Sông Dáy nguyên là một phần lưu của sông Hồng, nhận nước sông Cái ở địa phận Hà Nội giữa huyện Phúc Thọ và huyện Đan Phượng, xuôi đến Vân Đình (Ứng Hòa, Hà Nội) thì men theo vùng chân núi tạo nên phong cảnh hữu tình. Đến địa phận huyện Mỹ Đức (Hà Nội), tiếp nhận dòng suối Yến. Vào đất Hà Nam, tiếp nhận nước sông Nhuệ từ tả ngạn đổ vào ở khu vực Thành phố Phủ Lý; sông Hoàng Long (sông Bôi) bên hữu ngạn từ miền núi tỉnh Hòa Bình và Ninh Bình dồn về tại ngã ba Gián Khẩu (cách Thành phố Ninh Bình khoảng 10 km về phía Bắc). Qua khỏi Ninh Bình khoảng 20 km tiếp nhận nước sông Đào (sông Nam Định) bên tả ngạn. Gần đến biển, sông Dáy chuyển hướng từ Tây Bắc - Đông Nam sang Đông Bắc - Tây Nam rồi đổ ra vịnh Bắc Bộ ở cửa Dáy (thuộc huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình) (3).

Trong lịch sử, hạ lưu sông Dáy khoác nhiều cái tên và cửa sông cũng nhiều lần thay đổi. Thế kỷ VI cửa Dáy có tên gọi là cửa Đại Nha (Nha Hải). Cho đến năm 1044 nó có tên là cửa Đại Ác (Ác Hải) trước khi được vua Lý Thái Tông đổi cho gọi là Đại An (4). Thời Trần, nó được gọi là sông Lộ Bố (5). Vào các thế kỷ XVII, XVIII, Rokbo, Rocbou, Rockboa, Rockbo... dùng để chỉ sông, cảng cửa sông Dáy trong những ghi chép của thương nhân phương Tây thời kỳ này. Các bản đồ phương Tây vẽ sông Dàng Ngoài thời kỳ này thể hiện Rokbo chính là sông Dáy - phần lưu phía hữu ngạn sông Hồng bắt đầu từ đoạn phố Hiến (Hưng Yên) ra biển, một trong hai nhánh chính của sông Dàng Ngoài, phổ biến đến mức có trường hợp vẽ bản đồ lối vào cửa sông Thái Bình lại chú thích nhầm "Sông Dàng Ngoài hay sông Rocbou". Cảng ở cửa sông cũng mang tên gọi Rokbo và được xem là một trong ba cảng chính của Dàng Ngoài cùng với Doméa và Tinnam.

Việc con sông Độc Bộ của thế kỷ XIX trùng khớp với một phần của Rokbo (Rocbou, Rockboa, Rockbo...) thế kỷ XVII-XVIII và sự đồng âm giữa Rokbo, Rocbou, Rockboa, Rockbo,... với Độc Bộ khiến chúng tôi cho rằng hạ lưu sông Dáy ít nhất từ thế kỷ XVII đã có tên gọi dân gian là Độc Bộ. Những người phương Tây vì lý do nào đó đã tiếp cận được với tên gọi này và phiên âm thành Rokbo, Rocbou, Rockboa, Rockbo,... trong các ghi chép của mình để rồi sau đó nó dần trở thành tên gọi chính thức dưới triều Nguyễn. Như vậy, ít nhất tên sông Độc Bộ đã xuất hiện từ thế kỷ XVII-XVIII; mỗi thời kỳ nó lại gắn với những khúc sông nhất định thuộc hạ lưu sông Dáy.

1.2. Các tên gọi khác

Gắn với sông Độc Bộ là những cảng, bến, phố, làng xã mang tên Độc Bộ bên sông. Trong sách *Tên làng xã Việt Nam đầu thế kỷ XIX (thuộc các tỉnh từ Nghệ Tĩnh trở ra)*, Độc Bộ là xã thuộc tổng Thanh Khê, huyện Đại An, phủ Nghĩa Hưng, trấn Sơn Nam Hạ (6). Năm 1927, khi người Pháp tiến hành đợt thống kê khảo sát, xã Độc Bộ có 123 dân (7). Cùng 5 xã khác từng thuộc tổng Thanh Khê xưa, Độc Bộ nay thuộc xã Yên Nhân, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Đặng Xuân Bảng - nhà sử học người Nam Định thế kỷ XIX cho biết cụ thể vị trí của bến và phố Độc Bộ khi đó ngay tại ngã ba sông Đào và sông Dáy ngày nay. *Sử học bị khảo* chép rằng: "Sông Vị Hoàng, do sông Nhị Hà chia ra, qua phía đông nam tỉnh thành Nam Định, lại qua các huyện Mỹ Lộc, Thiên Bản, Nam Chân, Đại An đến bến Độc Bộ chảy vào sông Sơn Thủy tỉnh Ninh Bình" (8), "Sông Giản... một dòng chảy theo hướng nam là sông Sơn Thủy, đến phố Độc Bộ thì hợp với sông Vị Hoàng tỉnh Nam Định, chảy ra cửa Liêu" (9).

Tuy nhiên, nhắc đến Độc Bộ ngày nay người ta lại thường nghĩ tới một ngã ba nổi tiếng - địa điểm hợp lưu của sông Đáy và nhánh sông Hồng (sông Đào), được dân gian truyền gọi với tên Tam Tòa Độc Bộ. Giữa bốn bề mệnh mông sông nước là ngôi đền linh thiêng Độc Bộ thờ Triệu Việt Vương (nay thuộc Yên Nhân, Ý Yên) bốn mùa vẫn không ngớt khói hương, với lễ tế Tam Tòa...

Như vậy, tên gọi Độc Bộ mang nhiều ý nghĩa, có khi là tên một con sông, khi lại là một bến sông, một cửa sông, một phố ven sông, một xã bên sông, một ngôi đền, một ngã ba sông, thậm chí là một cảng cửa sông/biển. Dù thời điểm xuất hiện khác nhau, song những địa danh mang cùng tên gọi đó xoay quanh một địa danh trung tâm/chính: con sông Độc Bộ.

Khi là tên sông thì Độc Bộ chỉ là một trong nhiều tên gọi của sông Đáy trong suốt chiều dài lịch sử dân tộc, xuất hiện trong một khoảng thời gian nhất định, tuy vậy mỗi giai đoạn Độc Bộ lại gắn với những khúc sông Đáy cụ thể. Việc định vị Độc Bộ trong những thời gian khác nhau, vì vậy là điều hết sức cần thiết để hiểu địa danh này. Để lý giải điều này, cần phải tìm hiểu mối quan hệ Đại An - Độc Bộ - sông Đáy (nói cách khác phải tìm hiểu chính sông Đáy ngày nay), và phải đặt nó trong bối cảnh rộng hơn: quá trình hình thành và khai phá vùng đất ven biển Bắc Bộ (dựa trên địa mạo và lịch sử khai hoang lấn biển của cư dân duyên hải).

1.3. Vùng cửa sông Độc Bộ

Các nhà nghiên cứu địa lý đã chỉ ra rằng, khu vực Nam Định là bộ phận gần biển ở phía đông nam đồng bằng Bắc Bộ, có tính chất châu thổ lấn biển nhanh, khác với bộ phận cũng gần biển nhưng có tính chất etchuyê chịu ảnh hưởng mạnh của

thủy triều ở đồng bắc đồng bằng. Vùng đất nằm trong ranh giới hành chính tỉnh Nam Định hiện đại lại được cấu thành bởi hai bộ phận khác nhau: vùng đất cổ và vùng đất mới. Sự phân hóa rõ với hai bộ phận cấu trúc ngang tự nhiên tạo thành hai vùng địa lý tự nhiên: bên trong là châu thổ cũ, bên ngoài là châu thổ mới, nếu chưa kể châu thổ tương lai hiện đang ngầm dưới mặt nước biển. Những vùng địa lý này là sự phản ánh lịch sử lấn biển của dân cư. Châu thổ cũ - vùng đồng bằng bãi bồi sông không còn chịu tác động của biển - được hình thành khi trong mối tương quan lực lượng giữa hai quá trình tự nhiên hình thành nên châu thổ là quá trình sông và quá trình biển, quá trình sông đã thắng thế hoàn toàn. Sự thắng thế của sức bồi tụ sông tại Nam Định phải mất hơn 15 thế kỷ. Trên vùng đồng bằng bãi bồi này có thể thấy vết tích của các đường bờ biển cổ cách đây 2000 năm, 1000 năm và 500 năm. Đường bờ biển cổ cách ngày nay 2000 năm ở khu vực thành phố Nam Định ngày nay. Đường bờ biển thế kỷ thứ X được xác định bởi một vùng cát cổ trên con đường vạch huyện Yên Mô, qua phía bắc huyện Yên Khánh (tỉnh Ninh Bình), qua ngã ba Độc Bộ đến xã Nam Hồng, Nam Giang (huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định) (10). Có thể xem đây là lần phân nhánh tiếp theo của sông Luông - phân chia ra nhánh sông Nam Định. Vùng đất kẹp giữa sông Hồng và sông Nam Định ngày nay - tức khu vực phía nam huyện Ý Yên - khi đó là cửa chắn cửa sông (11).

Đường bờ biển thế kỷ XV có hướng đông bắc - tây nam, bắt đầu từ doi cát ở phía tây nam xã Yên Mạc (huyện Yên Mô) kéo tới thôn Phụng Công (xã Khánh Cường, huyện Yên Khánh), qua sông Đáy sang bắc Nghĩa Hưng (nằm ở phía bắc sông Ninh C trong địa phận huyện Trực Ninh), chạy song song với đường bờ biển thế kỷ thứ X đến khu vực

xã Liêm Hải (huyện Trực Ninh), qua huyện Xuân Trường (tỉnh Nam Định), huyện Kiến Xương đến Thái Thụy (tỉnh Thái Bình). Có thể đây là lần phân nhánh tiếp theo của sông Hồng - nhánh sông Ninh Cơ hiện nay (12). Dãy chính là ranh giới giữa hai khu vực châu thổ mới - vùng châu thổ hiện tại còn chịu tác động của biển - là kết quả của việc giằng co giữa hai quá trình biển và sông trong đó lợi thế nghiêng về sông và châu thổ cũ.

Theo dòng thời gian, cùng với quá trình vươn dài ra biển của sông Đáy cũng như quá trình khai hoang lấn biển phát triển vùng đất ven sông, địa danh Độc Bộ đã "trôi" ra biển, đồng thời tỏa ra vùng bên sông, hình thành nên cả một vùng Độc Bộ. Vậy Độc Bộ nằm ở đâu trên đất Nam Định ngày nay? Ở đây, chúng tôi thử phân biệt của sông Độc Bộ của các thế kỷ XVII-XVIII với XIX, XX.

Con sông Rokbo được William Dampier - nhà du hành và thương nhân người Anh thế kỷ XVII nhắc đến khi mô tả về sông Đàng Ngoài trong cuốn sách nổi tiếng *Voyages and Discoveries* như sau: "Gần mé đầu vịnh Đàng Ngoài, có một số cù lao nhỏ [...]. Lối vào vịnh như bị đóng lại bởi những bãi lớn của Paracel trải dài ra ở phía trước nhưng còn trừ ra lối vào ở hai bên để cho tàu nên tàu bè có thể ra vào bằng một trong hai lối ấy... Nằm sâu trong đáy vịnh còn có vài hòn đảo bé nằm rất gần bờ biển Đàng Ngoài. Có hai hòn đáng kể hơn các hòn khác, không phải tại nó to mà vì nó được dùng làm hải tiêu cho hai con sông chính, hay nói đúng hơn là cho hai nhánh của con sông chính của Đàng Ngoài. Một trong những con sông này, hay những nhánh sông này, tên là Rokbo. Nó đổ ra biển gần ngay mạn tây bắc của vịnh và cửa của nó ở khoảng 20 độ 10 phút bắc. Tôi

chưa từng đi trên con sông này nhưng người ta quả quyết với tôi rằng nó không sâu hơn 12 bộ (1 bộ/foot tương đương 30 cm) ở ngay tại cửa sông. Nhưng đáy của nó là một thứ bùn rất nhão, rất thuận tiện đối với các tàu nhỏ nên đây là lối đi thông thường của người Hoa và người Xiêm. Cách cửa sông này độ một dặm về phía tây có một hòn đảo khá cao tên là Fishers Island (đảo những người đánh cá). Nó cách bờ biển khoảng chừng 2 hải lý (1 hải lý/league tương đương 5 km), nước sâu 17, 18 bộ và rất lồi để buồm neo. Bởi vậy hòn đảo không chỉ là một hải tiêu tốt cho con sông mà còn là một nơi lý tưởng để thủy thủ ghé thuyền vào, buồm neo trú ẩn khi chưa có thời cơ vượt qua bãi nổi để tiến vào trong cửa sông vì lý do đến muộn trong năm hay do thời tiết xấu cản trở" (13) ứng dụng nghiên cứu địa mạo để xác định các hệ thống giao thương cổ vùng hạ lưu sông Đáy, Nguyễn Quang Anh trong khóa luận cử nhân của mình cho rằng, Độc Bộ mà Dampier nhắc đến (thế kỷ XVII) có khả năng nằm ở khu vực huyện Yên Khánh (Ninh Bình) ngày nay: "Giai đoạn này sông Đáy đổ ra biển qua ba cửa chính, một cửa tương đương đoạn cát của dòng sông Đáy ngày nay với đường bờ thế kỷ XV, một cửa là cửa Càn, cửa sông Vạc (một nhánh của sông Đáy) nằm ở khu vực huyện Yên Khánh ngày nay. Cửa còn lại là cửa Thần Phù. 2 cửa biển dưới nằm khá gần dãy Tam Diệp, các khối đá vôi này có thể được nhắc đến như những hải tiêu cho tàu thuyền... Về mặt địa mạo có thể khẳng định vị trí cửa Càn và cửa Thần Phù có điều kiện thuận lợi hơn khi phát triển những con đường giao thương. Đối chiếu những miêu tả của William Dampier như tọa độ 22 độ 10 phút, cách một số đảo một dặm về phía tây... Điều này cũng tương ứng với hệ thống

khối núi sót của dãy Tam Diệp vào giai đoạn này vẫn chưa hoàn toàn bị bồi lấp vào trong đất liền. Như vậy có thể thấy rằng cửa sông Rokbo được xác định nằm trên vĩ độ 22 độ 10 phút nằm trên khu vực huyện Yên Khánh ngày nay là một giả thuyết hợp lý hơn những quan điểm trước đây của các nhà sử học cho rằng Rokbo chính là Độc Bộ. Tuy nhiên để khẳng định vị trí này cần có thêm những nghiên cứu cụ thể về mặt lịch sử và khảo cổ" (14).

Trong khi đó, những bằng chứng thu thập được từ công tác điều tra thực địa cho thấy một trung tâm buôn bán lớn đã hình thành trong khoảng thời gian này tại khu vực Yên Đồng, Yên Nhân (thuộc Ý Yên, Nam Định ngày nay). Chính sự hưng khởi về mặt kinh tế đã tạo tiền đề cho một lối sống riêng, đời sống văn hóa riêng, hình thành nên một không gian văn hóa Độc Bộ. Chúng tôi sẽ trở lại phân tích sâu về điểm này ở phía sau. Tiếc rằng, người viết chưa có điều kiện để khảo sát ở khu vực Yên Khánh (Ninh Bình). Với tài liệu địa mạo và thực địa tại Ý Yên, có thể nghĩ đến khả năng Độc Bộ của thời kỳ này với cửa sông, cảng sông, trải dài trên một khu vực rộng lớn nằm bên tả và hữu ngạn sông Độc Bộ, trải trên đất Ý Yên (Nam Định) và Yên Khánh (Ninh Bình) hôm nay.

Trong khi đó, đến triều Nguyễn (thế kỷ XIX-XX), vùng cửa sông Đáy đã lùi xa về phía biển, với sự mở mang của nhiều đơn vị hành chính thuộc các huyện Nghĩa Hưng, Hải Hậu ngày nay. Vùng cửa Độc Bộ của những thế kỷ XVII-XVIII trước đó lại trở thành điểm đầu của dòng sông Độc Bộ thế kỷ XX. Rõ ràng, sự bồi tụ phù sa của sông và bước chân khai phá của con người đã làm thay đổi lớn cả về vị trí và diện mạo của cùng một khái niệm "vùng cửa sông Độc Bộ" qua thời gian.

1.4. Không gian văn hóa Độc Bộ

Con sông và những bến, chợ, làng xã,... bên sông đã dần hình thành nên một không gian văn hóa Độc Bộ mà cố GS. Trần Quốc Vương là người sớm lưu ý tới khi kêu gọi "cần có cái nhìn Văn hóa học, Khảo cổ học khuôn trong cái nhìn Bối cảnh - Môi sinh hay là cái nhìn Văn hóa - Khảo cổ khuôn trong cái nhìn sinh thái nhân văn": "Ví như theo tôi, ta có thể đề cập đến thời đại "Grand Commerce" (thế kỷ XVI, XVII, XVIII) ở Đàng Ngoài dưới cái nhìn các phức thể (complex) Rokbo (Độc Bộ) vùng lưu vực sông Đáy, phức thể Domea (Dò Mè) vùng lưu vực sông Thái Bình để tiến đến cái đa phức thể (multiplex) Kinh Kỳ - Phố Hiến" (15).

Để hình thành nên một không gian văn hóa Độc Bộ cần phải trải qua một quá trình lâu dài. Việc tìm lại những tiền đề cho sự phát triển của không gian Độc Bộ có thể lần tìm ngược từ thời Trần với sự xuất hiện của các điển trang của Trần Nhật Duật và Trần Khánh Dư ở trên đất Yên Đồng, Yên Nhân (Ý Yên, Nam Định), thậm chí lùi xa hơn về trước nữa. Tuy nhiên, thế kỷ XVII nơi đây đã tồn tại một không gian văn hóa Độc Bộ độc đáo. Về vấn đề này, chúng tôi sẽ có dịp trở lại phân tích sâu trong một bài viết khác. Trong phạm vi của nghiên cứu này, người viết chỉ muốn nhấn mạnh rằng có những bằng chứng rằng nơi đây là một vùng buôn bán lớn mà trung tâm là chợ Đồi nằm bên sông Đồi.

Sông Đồi là một nhánh sông cổ, nay đã biến mất - của Độc Bộ. Tục truyền trước đây sông rất lớn, Bùn Dị đã từng di thuyền trên sông Đồi để ghé vào đền vua Đinh (Yên Đồng, Ý Yên). Tiếc rằng dấu vết hiện còn lại chỉ là những vệt trùng chạy qua các xã Yên Thắng, Yên Đồng, Yên Nhân (Ý Yên). Tại khu vực Yên Thắng, Yên Đồng,

trên bờ con sông Dối hình thành nên nhiều bến thuyền mang tên bến Chợ, bến Vạn. Trong tâm thức dân gian vẫn còn lưu truyền về sự tồn tại của sông Dối tấp nập trên bến dưới thuyền với những bến, chợ lớn nằm dọc sông: bến Vạn (Yên Thắng), bến Chợ - xóm Thị Tân, chợ Dối (Yên Đồng)... Các địa danh xứ Dương Chợ, xứ Trung Thị, xứ Ngã Ba (16) trong *Địa bạ Dối Trung*, cùng các tên dân gian hiện còn lưu truyền như xóm Thị Tân, bến Chợ, bến Vạn phản ánh bóng dáng của một khu vực với những chợ, bến, ngã ba của vùng đất này. Sau đó, cuối thế kỷ XIX, các bến Cốc Thành, bến Đông Cao, bến Phù Sa, bến Vi Nhuế (17), gắn liền với đó là các chợ, cầu như chợ Dối (18), cầu Dối Trung (19) được ghi chép trong cuốn quốc chí *Dại Nam nhất thống chí* cho thấy phần nào rằng đây vẫn là một khu vực giao thương nhộn nhịp.

Chợ Dối (20) là một chợ lớn trong vùng đã trở thành trung tâm thương mại của cả vùng và liên vùng. Điều này không chỉ căn cứ vào việc chợ họp một tháng chín phiên, mà còn dựa trên việc thương nhân tụ hội từ nhiều vùng miền trong, thậm chí ngoài nước. Dấu ấn của người Trung Quốc là xóm Thạch Tỉnh (21), là bức tượng ngư tiều canh độc bằng đồng khắc chữ Hán, thuộc niên đại nhà Minh (22), là sự đóng góp của gia đình thương nhân người Quảng Châu (Trung Quốc) Trần Trung Ngôn (23) khi tu sửa đến thờ các vị tiên công mở xã Trấn Xá (nay là Vi Nhuế) và được bầu hậu tại đền theo ghi chép của văn bia ở phủ Quảng Cung (Nấp) (24)... Điều này cho thấy mối quan hệ mật thiết của thương nhân người Trung Quốc nói trên. Văn bia ghi hương ước làng Dối Trung (25) cũng cho biết chợ Dối ở đất Đại An là nơi người đi buôn bán đều muốn đi lại, người phương nam, khách phương bắc về đây tụ hội (26).

Lộ thu thuế chợ Dối Trung ở giữa thế kỷ XVIII rất đáng lưu ý. Những người mới đến bán hàng sẽ được miễn thuế 6 tháng không kể hàng to hay nhỏ (27). Lộ thu thuế này chứng tỏ việc người nơi khác đến bán hàng là hoạt động thương xuyên và mang tính lâu dài. Các thương nhân thường lưu lại trong thời gian dài hàng năm trời, với nhiều mặt hàng khác nhau. Đây không phải là đặc điểm của chợ quê, nơi những người dân mang sản phẩm do mình sản xuất ra trao đổi lấy những mặt hàng thiết yếu của cuộc sống, mà đã hình thành một tầng lớp chuyên buôn một mặt hàng nhất định đem lời đây để bán. Chợ Dối mang tính chất một trung tâm trao đổi hàng hoá của cả vùng. Mặt khác, việc miễn thuế trong thời gian nửa năm vừa là hình thức thu hút các thương nhân đến buôn bán, vừa gợi ý về lượng thuế chợ mà chính quyền thu được từ việc kiểm soát chợ.

Hoạt động buôn bán ở các chợ, bến đã thu hút phần lớn cư dân trong vùng vào guồng quay của mình. Trong vùng đã hình thành những làng buôn, một bộ phận quan trọng tham gia vào hoạt động thương mại liên vùng ở Độc Bộ, ở xã Từ Vinh có nghề buôn dẫu. Ở hai xã An Trung, An Hạ có nghề buôn bán tre gỗ. Ở các xã Diên Mỹ, Tân Mỹ, Lương Xá Hạ, Quảng Cư có nghề buôn bán trâu bò (28). Những ghi chép có niên đại đầu thế kỷ XX cho thấy đến thời điểm đó, cư dân nơi đây vẫn khai thác lợi thế giao thông đường thủy, lên miền núi buôn tre gỗ về cạp các bến rồi từ đây phân phối đi khắp vùng. Dù không phải ghi chép đương thời, song chắc hẳn vào các thế kỷ XVII, XVIII cư dân Dối Trung đã tham gia sôi nổi vào các hoạt động buôn bán ở chợ. Chuyện về người buôn trâu không thường qua lại đất Tràng An (Hà Nội) buôn bán cũng cho thấy mối giao thương liên vùng này (29).

Nghề buôn đã là nghề chi phối cuộc sống của người dân, định hình nên phong tục tập quán, lối sống, tâm lý rất đặc thù của người thị dân. Nhịp độ buôn bán ở khu vực Độc Bộ rất khẩn trương, tập nập quanh năm, nên có câu ca về người phụ nữ Cốc Dương: *"Hoài công lấy gái Cốc Dương / Ăn cơm nửa bữa, ngủ với chồng nửa đêm"*. Hiện tượng cò mồi - một thủ thuật làm ăn ở những trung tâm buôn bán lớn diễn ra. *Nam Định tình địa dư chí mục lục* cho biết dân xã Thanh Khê "có tục vừa làm nghề cày cấy và nghề buôn bán. Có người khiêng lợn đi chợ bán, đem vợ đi làm có mồi, thường gọi chị, chị. Có người nói đùa rằng "ở ngoài chợ thì chị chị giả, chớ về trong nhà thì anh anh thật đấy" (30).

Việc cư dân từ nhiều vùng miền tụ hội, lấy nghề buôn làm nghề chủ yếu đã dần hình thành nên phố thị. Nhà cửa ở trong xóm được qui hoạch cụ thể "Nhà ở theo các ngõ, ở ít nhất phải được một sào, phải có ao nhỏ, giếng khơi để ăn uống giặt giũ" (31) là biểu hiện của lối sống văn minh của khu phố thị, khác hẳn với các làng quê thuần nông. Ngay từ thời Nguyễn đã thấy sự hiện diện của văn minh đô thị ở Giáo Phòng: "Tục dân ở phường Giáo Phòng, hễ khi người nào có việc mừng, mà được người ta yêu mến tùy tình trông cho một cột đèn. Đêm đến trông qua, thấy sáng rực rỡ như một chuỗi hạt châu" (32). Đến thế kỷ XIX, Đặng Xuân Bảng ghi nhận phố Độc Bộ ở ngã ba Độc Bộ ngày nay.

Hương ước - nguồn tài liệu phản ánh một cách khá chân xác phong tục tập quán làng Đồi Trung rất ngắn gọn, chỉ gồm 8 điều khoản, với những qui định hết sức cụ thể toát lên tinh thần bình đẳng, cởi mở của một cộng đồng dân cư tập trung, giàu có, có mối giao lưu liên vùng mạnh mẽ (33).

Trong khi ở làng Việt cổ truyền vùng Bắc Bộ luôn tồn tại sự phân biệt sâu sắc giữa dân chính cư và dân ngụ cư, thì ngay Điều 1 của hương ước Đồi Trung đã quy định: "xã có bảy thôn không phân biệt ở lâu hay mới ngụ cư phải lấy điều thuận hoà thân ái mà cư xử với nhau. Có vui cùng vui, lúc buồn đều chia sẻ. Nếu ai có việc làm chia rẽ mà làng biết sẽ bị phạt từ 5 đến 10 quan tiền hoặc đuổi ra khỏi xã". Qua đây có thể thấy thực tế ngụ cư là một hiện tượng phổ biến trong làng và tinh thần bảo hộ cho dân nhập cư từ việc sẵn sàng xử phạt mức cao nhất (đuổi khỏi làng xã) đối với người vi phạm.

Người ta dễ nhận thấy tinh thần bảo vệ người dân chống lại cưỡng quyền với nhiều điều khoản liên quan đến chức dịch trong hương ước Đồi Trung (34). Khi phát giác sự nhũng loạn của chức dịch, người dân có quyền tùy tiện đánh chết chức dịch, đuổi cả nhà họ ra khỏi làng là biểu hiện cao nhất của tinh thần ấy. Bộ máy chức dịch ở Đồi Trung thực sự chỉ là những người làm công cho chính quyền nhà nước, chứ không phải là lực lượng có quyền hành trong cộng đồng dân cư. Nguyên nhân không nằm ngoài sức mạnh đồng tiền và tác động của "cơ chế thị trường" ở một trung tâm kinh tế lớn.

Như vậy, sự đa dạng trong cấu trúc dân cư, tính liên vùng cao, hoạt động buôn bán phát triển dẫn tới mối quan hệ giữa các bộ phận dân cư: bản địa - ngoại lai, chức dịch - dân chúng... khá khác biệt so với đại bộ phận làng Việt cùng thời. Hương Văn Vương đã nhận thấy sự khác biệt đó và sự lý giải nguyên nhân của ông sau đây - với tư cách người con của mảnh đất này - phản ánh lịch sử địa phương trong tâm thức của cư dân bản địa: "Số dĩ có những điều khoản như trên, xét ra thì do dân tập trung buôn bán vin vào chợ lớn sóng to, lại từng có

người Trung Quốc đến khơi dậy, vì vậy việc qui định ra tất bởi cơ chế thị trường, sự bình đẳng ăn ở, không sợ cường quyền chế độ hà khắc cũng được song song nảy nở, âu cũng là qui luật tất nhiên của xã hội loài người. Nhưng dù sao xét về thời đại phong kiến thì phải cho là một làng quê tiến bộ” (35). Những dấu ấn ấy, tiếc rằng chỉ còn tàn mát ở nguồn văn liệu, một số dấu tích vật chất và một vài truyền thống truyền miệng còn được ít bậc lão niên địa phương lưu giữ.

Ngày nay Độc Bộ thường được hình dung với tư cách một không gian thờ Triệu Việt Vương, mà trung tâm là ngã ba Độc Bộ bốn bề mênh mông sông nước; với ngôi đền Độc Bộ mà ở đó Triệu Việt Vương không còn đơn thuần được thờ với tư cách một vị anh hùng dân tộc, mà đã được nhiên thần hoá thành vị thủy thần cai quản vùng ngã ba sông lớn; với lễ tế Tam Kỳ của cư dân cả vùng rộng lớn ven sông cùng sự cộng hưởng của cư dân nhiều địa phương khác theo đường thủy mà tới.

2. Địa danh Giao Thủy

Chia sẻ đặc điểm địa danh đa nghĩa với Độc Bộ, địa danh Giao Thủy có quá trình tồn tại lâu dài hơn nhiều trong lịch sử dân tộc. Tên gọi lần đầu xuất hiện từ thế kỷ X, gắn với thửa hàn vi của Đinh Bộ Lĩnh ở khu vực sông, hương và chùa Giao Thủy, và hiện vẫn được dùng để chỉ một huyện ven biển thuộc tỉnh Nam Định.

2.1. Sông Giao Thủy

Tên sông Giao Thủy xuất hiện trong nhiều tài liệu thư tịch cổ thuộc về các thời đại khác nhau như *Minh chí*, *Đại Việt sử ký toàn thư*, *Sử học bị khảo*, *Cương mục*, *Đại Nam nhất thống chí*, gắn với các sự kiện từ thế kỷ X đến XIX.

Căn cứ vào sách *Đại Việt sử ký toàn thư*, ngay từ thế kỷ X đã có sông và chùa Giao Thủy. Tài liệu này chép chuyện Đinh Bộ Lĩnh thừa hàn vi “thường đánh cá ở sông Giao Thủy, kéo lưới được viên ngọc khuê to nhưng va vào mũi thuyền, sút mất một góc. Đêm ấy vào ngủ nhờ ở chùa Giao Thủy, đầu ngọc ở đáy giỏ cá, đợi trời sáng ra chợ bán cá, bấy giờ đang ngủ say, trong giỏ có ánh sáng lạ, nhà sư chùa ấy gọi dậy hỏi duyên cớ, vua nói thực và lấy ngọc khuê cho xem. Sư than rằng: “Anh ngày sau phú quý không hết, chỉ tiếc phúc không được dài” (36). Tuy nhiên, sách không có chỉ dẫn nào thêm về vị trí con sông này.

Cuốn sách đầu tiên miêu tả sông Giao Thủy là *Minh chí*. Theo đó sông Giao Thủy tiếp nước sông Đại Hoàng ở huyện Lý (Lý Nhân). *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* chép thống nhất với *Minh chí* trong đoạn khảo tả sông Hoàng giang (tức Đại Hoàng): “ở địa giới huyện Nam Xang, phủ Lý Nhân bây giờ, phía trên tiếp sông Thiên Mạc, phía dưới thông với sông Giao Thủy”. *Thiên hạ bản đồ* và *Hồng Đức bản đồ* thể hiện sông Giao Thủy bắt đầu từ khu vực ngã ba Vàng (địa giới Mỹ Lộc và Nam Xang) đổ ra biển. Như vậy, các tài liệu cung cấp thông tin thống nhất rằng sông Giao Thủy là hạ lưu sông Nhị Hà trên khu vực Nam Định ngày nay.

Tuy nhiên, hạ lưu sông Hồng khu vực Nam Định lại chia ra nhiều nhánh: “Sông Nhị Hà lại chảy xuôi vào địa giới tỉnh Nam Định đến huyện Thiên Trì, chia một chi phía đông gọi là sông Thanh Hương chảy vào sông Nông Giang, lại chảy theo hướng nam đến phía đông tỉnh thành, thì chia một chi phía tây gọi là sông Vị Hoàng, chảy vào sông Giản. Lại chảy theo hướng nam đến huyện Giao Thủy, chia một chi phía nam gọi là sông Lạch, còn dòng chính thì

chảy ngoặt về phía đông qua các huyện Giao Thủy, Vũ Tiên thì chia hai chảy ra cửa Ba Lạt và cửa Lân” (37) Vấn đề đặt ra là phải xác định Giao Thủy là nhánh nào của sông Nhị Hà?

Ở thế kỷ XIX, sông Giao Thủy là dòng chính của sông Hồng chảy giữa đất Nam Định và Thái Bình, đổ ra biển theo cửa Giao ở huyện Giao Thủy (38). *Đại Nam nhất thống chí* chỉ rõ sông Giao Thủy là dòng chính sông Nhị Hà chảy qua Chân Ninh (nay thuộc Nam Trực và Trực Ninh, Nam Định), phân lưu cho các sông Lác, sông Kênh Đào của huyện này (39).

Trong khi đó, sông Giao Thủy thế kỷ X lại gắn với chùa Giao Thủy, mà như chúng tôi sẽ đề cập sâu hơn ở phía sau thì nằm trên khu vực Quán Các (Nam Trực) ngày nay.

Từ các nguồn thư tịch và bản đồ cổ cũng như truyền thuyết bản địa, rõ ràng tên sông Giao Thủy tồn tại lâu dài, ít nhất là từ thế kỷ X đến thế kỷ XIX, dùng để chỉ nhánh chính sông Hồng đổ ra biển. Nhìn chung, điểm đầu của sông Giao Thủy tính từ ngã ba Tuấn Vương (Vàng). Cửa sông Giao Thủy, dù vậy, lại thay đổi rất nhiều trong quá trình bồi tụ hình thành nên vùng đồng bằng nhờ các quá trình tự nhiên và khai phá của con người. Dấu tích các đường bờ cổ thế kỷ X, XV, XIX, XX, XXI và cửa sông cổ qua các thời kỳ đã được các nhà nghiên cứu địa lý chỉ ra dựa trên chứng cứ thuyết phục của việc nghiên cứu địa mạo cho biết con sông Giao Thủy Đinh Bộ Lĩnh gắn bó đổ ra biển ở khu vực Quán Các (Nam Trực). Thêm nữa, sự liên tục uốn khúc và thay đổi dòng chảy đặc trưng cho các sông khu vực đồng bằng cho thấy rằng mỗi thời điểm lịch sử cụ thể con sông Giao Thủy cổ lại có hình dáng, độ dài, vị trí khác nhau.

2.2. Hương, làng, vạn, xã, huyện Giao Thủy

Giao Thủy được dùng để chỉ một đơn vị tụ cư, đơn vị hành chính từ rất sớm. Theo Đặng Xuân Bảng, huyện Giao Thủy ban đầu là hương: “đời Lý là hương Giao Thủy, hồi thuộc Minh thăng làm huyện” (40). Bia công đức chùa Viên Quang (Nghĩa Xá, Xuân Ninh, Xuân Trường, Nam Định) niên đại Thành Thái 8 cho biết rằng chùa Viên Quang khởi lập từ thời Lý, tương truyền ở vùng vạn Giao Thủy (41), còn trong tám thức dân làng Keo (Hành Thiện và Dũng Nghĩa) thì họ vốn là một ấp thuộc làng Giao Thủy. Khảo về *Lai lịch xã Hành Thiện*, Đặng Xuân Viện cho biết: “Sự duyên cách làng ta trước kia không rõ. Duy về đời nhà Lý (khoảng thế kỷ thứ XII) thì ấp ta thuộc làng Giao Thủy” (42).

Vị trí của làng Giao Thủy khi đó ở khu vực Hộ Xá (Tân Thịnh, Nam Trực, Nam Định ngày nay). Đến năm 1167 Giao Thủy được đổi thành làng Hộ Xá. Điều này được phản ánh trong khảo sát của Tiến sĩ Đặng Hy Long (Đặng Xuân Bảng) về Không Lộ “Đức Thánh tổ họ Dương, húy là Minh Nghiêm, hiệu là Khổng Lồ (đọc tránh là Không Lộ) quán tại làng Giao Thủy phủ Hải Thanh (Giao Thủy nay là làng Hộ Xá, triều Lý lên phủ là Hải Thanh) đến đời Trần đổi là Thiên Thanh, triều Trần Thánh Tông đổi là Thiên Trường, triều Tự Đức nhà Nguyễn đổi là Xuân Trường” (43), “năm Đinh Hợi niên hiệu Chính Long Bảo ứng thứ 5 (1167) triều Lý Anh Tôn, vua ban chiếu tu lý chùa Diên Phúc và đổi tên là chùa Viên Quang, đổi tên làng Giao Thủy làm một làng Hộ Xá, quyên hộ 300 người phụng sự. Sau lại đổi tên chùa Viên Quang làm chùa Thân Quang và ban cho mỗi chùa 5 mẫu ruộng hương đăng” (44). Trong cuốn *Làng Hành Thiện và các nhà nho Hành*

Thiên triều Nguyễn xuất bản tại Bỉ (1992), Đặng Hữu Thọ nói rõ thêm "Vào tiền bán thế kỷ XI dưới triều Lý, các cụ tổ Hành Thiện ở làng Giao Thủy. Đến hậu bán thế kỷ XI, làng Giao Thủy được đổi tên là làng Hộ Xá. Làng này ở khu đất ngoại ô làng Quán Các thuộc địa phận huyện Nam Trực tỉnh Nam Định sau này. Về triều Lý, làng Giao Thủy hay làng Hộ Xá thuộc địa phận phủ Hải Thanh, đến đời Trần phủ này được đổi tên là phủ Thiên Trường."

Như vậy, có thể thấy Giao Thủy được gọi là hương, vạn, làng ở thời Lý. Việc xuất hiện nhiều tên gọi cùng một thời kỳ, thậm chí là từ cùng một nguồn sử liệu có thể do đặc tính của truyền thống truyền miệng, cũng có thể do Giao Thủy bắt đầu là một làng và trải qua thời gian tách thành vài làng song vẫn tập trung tại hương Giao Thủy. Đến thời Minh thuộc, Giao Thủy đã trở thành một huyện thuộc phủ Thiên Trường - khi ấy gồm 3 huyện nữa là Nam Chân, Mỹ Lộc và Thượng Nguyên (45).

Thiên hạ bản đồ thể hiện huyện Giao Thủy đời Lê ở phía dưới huyện Thượng Nguyên, gần ngã ba Vuông. Trên *Hồng Đức bản đồ*, huyện Giao Thủy ở gần ngã ba sông, phía trên là huyện Thượng Nguyên, dưới là phủ Thiên Trường. Như thế, huyện Giao Thủy thế kỷ XV bao gồm cả phần đất phía đông bắc huyện Nam Trực ngày nay.

Đầu thế kỷ XIX, huyện Giao Thủy gồm 9 tổng (Trà Lũ, Hành Cung, Hạ Cát, Hộ Xá, Thủy Nhai, Hoàn Nha, Đỗ Xá, Kiên Lao, Cát Xuyên) với 86 xã, thôn, phường, trang, trại, ấp (46). Như vậy, huyện Giao Thủy lúc này trải rộng trên cả địa bàn Nam Trực, Xuân Trường và Giao Thủy ngày nay. Hiện tại, Giao Thủy là huyện nằm ở cực đông của tỉnh Nam Định, phía Nam và Đông Nam tiếp giáp với biển Đông Việt Nam,

phía Tây Bắc giáp với huyện Xuân Trường, phía Tây Nam giáp với huyện Hải Hậu.

Như vậy, quá trình để Giao Thủy phát triển từ một làng đến huyện ít nhất có từ thời Lý đến nay. Cũng có thể làng Giao Thủy xuất hiện từ trước đó với việc chùa Giao Thủy đã xuất hiện từ thời Đinh và Hộ Xá nằm trên vùng đất đã hình thành muộn nhất là từ thế kỷ X. Tuy nhiên, mỗi thời kỳ phạm vi không gian của Giao Thủy lại rộng hẹp khác nhau, gắn với những vùng đất khác nhau, theo sự phát triển của con sông.

Quá trình thay đổi vị trí của làng Giao Thủy cũng là một điểm đáng chú ý. Đặng Xuân Viện chú thích về Giao Thủy "(xã Giao Thủy trước ở Quảng Lăng Quán Các, sau cũng bị lở xuống sông rồi di đến phía nam xã Lạc Quán và đổi là làng Nghĩa Xá. Phủ Hải Thanh, đến đời nhà Trần thì đổi là Thiên Trường). Khi thuộc nhà Minh thì gọi là Phụng Hóa, đến triều Tự Đức nhà Nguyễn đổi là Xuân Trường. Đời nhà Trần ấp ta có vườn Kim Quất (cam ngọt) các nhà vua Trần thường hay đến chơi, nên đặt tên là Hành Cung trang. Đến thời Hậu Lê (thế kỷ XVI) vì nước sông Nhị Hà xung kích bị lở xuống, các cụ tổ ta mới di cư xuống ấp này (tức xã Hành Thiện bây giờ) chia ra làm hai trang, phía tây bắc gọi là trang Dũng Nhuệ (triều Tự Đức gọi là Dũng Nghĩa nay thuộc huyện Vũ Tiên tỉnh Thái Bình); phía đông nam là trang Hành Cung thuộc xã Giao Thủy (Giao nghĩa là Keo nên tục gọi Dũng Nghĩa là Keo trên, làng ta là Keo dưới). Đến triều Minh Mạng (thế kỷ XIX) đổi là xã Hành Cung. Đến năm Quý Mùi niên hiệu Minh Mạng thứ 10 (1829) mới đổi là Hành Thiện" (47). Tác giả đã chỉ rõ làng Giao Thủy thời Lý chính là khu vực Quán Các mà đến thế kỷ XIX, Quán Các vẫn là 1 trong 9 xã, trại thuộc tổng Hộ Xá, huyện Giao Thủy. Như vậy, đây chính là

làng Giao Thủy gốc. Cũng theo tài liệu này, vì sự biến chuyển của dòng sông Giao Thủy (Nhị Hà) mà ấp/làng Giao Thủy xưa đã theo dòng chảy sông di dần xuống phía đông nam lập nên làng Nghĩa Xá, làng Hành Thiện (Hành Cung), làng Dũng Nghĩa (Dũng Nhuệ).

Như vậy, theo Đặng Xuân Viện thì làng Giao Thủy xưa do một phần bị sạt lở xuống sông nên dời đến phía nam làng Lạc Quần lập làng Nghĩa Xá, một bộ phận khác (Hành Cung trang) đến thế XVI lại bị sạt lở nên lại di đến lập hai làng Dũng Nhuệ và Hành Cung ở hai bên sông Giao Thủy, nay là Hành Thiện và Hành Dũng Nghĩa.

2.3. Chùa Giao Thủy

Chùa Giao Thủy được nhắc đến trong sử sách ở nhiều thế kỷ. Thế kỷ X, chùa nằm gần sông Giao Thủy, nơi Đình Bộ Lĩnh nghỉ chân. Thời Lý, đây là một trung tâm Phật giáo với vai trò của các vị thiền sư Giác Hải, Minh Không, Không Lộ. Tên ngôi chùa này được nhắc đến trong những câu chuyện về các vị thiền sư thời Lý: Đạo Hạnh, Giác Hải, Không Lộ và Minh Không trong các sách *Thiền uyển tập anh*, *Việt điện u linh*, *Linh Nam chí*...⁵⁴

Sau khi học đạo ở tây phương về, Đạo Hạnh, Minh Không và Giác Hải kết nghĩa anh em, rồi “Minh Không và Giác Hải từ già về chùa Giao Thủy. Còn Đạo Hạnh thì tu ở chùa Thiên Phúc, trên núi Thạch Thất” (48). Nguyễn Ôn Ngọc (đầu thế kỷ XX) cũng chép chuyện Đạo Hạnh sau khi thủ pháp thuật bằng cách hóa hổ hổ Đạo Minh Không thì về núi Phật Tích, còn Minh Không thì về chùa Giao Thủy (49). *Thiền uyển tập anh* khi nói về Giác Hải “Thiền sư họ Nguyễn, người hương Hải Thanh... Vua Lý Thần Tông lấy lễ tiếp đãi như thầy, mỗi khi xa giá về hành cung ở Hải Thanh, vua thường đến chơi chùa Diên Phúc trước”

(50). Hay “Thiền sư Giác Hải họ Nguyễn người Hải Thanh ở tại chùa Diên Phúc quận nhà” (51). Kết nối hai dữ liệu này cho thấy, Diên Phúc chính là chùa Giao Thủy.

Vấn đề đặt ra là chùa Diên Phúc là chùa nào, hiện có còn trên thực địa không? Như đã đề cập, làng Giao Thủy thời Lý về sau được di đến làng Nghĩa Xá, Hành Thiện và Dũng Nghĩa. Khi di cư đến nơi ở mới, hai làng Keo Nam Định và Thái Bình mang theo ngôi chùa Keo vốn gốc ở Giao Thủy. Chùa Keo vốn tên là Nghiêm Quang tự, sau đổi làm Thần Quang tự, là một ngôi chùa lớn ở Giao Thủy: “Nơi phúc địa (thờ Phật) ở nước Nam đâu đâu cũng có. Nhưng chỉ có chùa Thần Quang ở vùng Dũng Nhuệ huyện Giao Thủy là nơi danh lam thắng cảnh bậc nhất từ Bắc chí Nam” (52). Đây là nơi trụ trì của thiền sư Không Lộ “Thiền sư Dương Không Lộ ở chùa Nghiêm Quang huyện Hải Thanh” (53).

Tương tự “Khi đức Giác Hải tổ tượng và dựng chùa tại làng Dũng Nghĩa (Thái Bình) để thờ Phật và phụng sự đức Thánh tổ Không Lộ đại pháp thiền sư (Lý triều quốc sư) năm Ất Hợi 1095 triều vua Lý Nhân Tông dân làng ta còn ở Quán Các (Nam Trực) cũng dựng chùa gọi là Thần Quang tự để thờ Phật và thờ Đức thánh tổ. Khi di cư xuống đất mới, các bậc tiền bối cũng di cư chùa để phụng sự nhưng bắt đầu dựng chùa năm nào thì không rõ” (54).

Trong khi đó, người dân Hành Thiện thì khắc ghi rằng chùa Thần Quang chính là chùa Giao Thủy. *Khảo về sự thay đổi địa danh Giao Thủy, Hành Thiện, chùa Thần Quang* của Cúc Viên luyện sĩ có đoạn chép: “Giao Thủy là tên cũ của ấp ta ở thượng lưu sông Giao. Nơi đó có chùa Thần Quang. Khi vua Đinh Tiên Hoàng chưa lên ngôi, thường đánh cá ở sông Giao Thủy, ban đêm ngủ ở chùa Giao Thủy, tức là chỗ này đây.

Chùa Thần Quang tên cũ là Nghiêm Quang, tức là chùa Giao Thủy. Sách *Đại Nam nhất thống chí* cho là chùa Dũng Mỹ, thực là sai lầm" (56).

Chúng tôi cũng lưu ý đến chủ thích của tác giả "Giao nghĩa là Keo nên tục gọi Dũng Nghĩa là Keo trên, làng ta là Keo dưới" để giải thích tên làng Giao Thủy. Ngày nay chùa của hai làng kể trên đều mang tên Keo (trên - dưới). Liệu đó có phải là chùa Giao Thủy xưa chăng?

Kết quả khảo sát làng và chùa Nghĩa Xá (Xuân Ninh, Xuân Trường, Nam Định) cho biết, chùa được dựng từ thời Lý ở vạn Giao Thủy, do Giác Hải trụ trì, nhưng do "nạn sông nước" phải chuyển đến xứ Bát Dương (Thái Bình?) và cuối cùng chuyển đến làng Nghĩa Xá. Văn bia Thành Thái năm thứ nhất tại chùa cho biết "Chùa Viên Quang sáng tạo từ triều Lý, tương truyền ở vùng vạn Giao Thủy, gồm 36 tòa khoảng mấy trăm gian, được vài năm thì di vào xứ Bát Dương. Tấng sư tên tự là Duệ Mẫn, húy là Cần định ra quy cách. Việc thờ tự được kế thừa, nhưng nơi này ngẫu nhiên gặp phải nạn sông nước, đất hương hỏa sắp bị lở trôi. Tháng 3 niên hiệu Tự Đức thứ 19 (1867), bản xã làm đơn xin người giữ vùng biển phủ Xuân Trường là Lê đại nhân, sau này được thăng lên chức Hồng Lô tự khanh, lĩnh chức Nam Định bố chính sứ, (xin ông) thay mặt viết sớ lên trên xin di chuyển chùa ra xứ Rộc Cả [một nhánh sông Ninh Cơ chảy trên đất Xuân Ninh - tác giả]".

Chùa Viên Quang (Minh Mệnh 6 -1825) ghi chùa thuộc xã Hộ Xá, huyện Giao Thủy. Sắc phong năm Chính Hòa 4 cũng ghi xã Hộ Xá, huyện Giao Thủy. Các đạo sắc Vĩnh Thịnh 6, Minh Mệnh 2, Tự Đức 3 tiếp tục dành cho xã Hộ Xá, huyện Giao Thủy. Như vậy chúng ta chùa Viên Quang dựng từ thời Lý trên đất Hộ Xá và

được duy trì ở đất Giao Thủy gốc đến giữa thế kỷ XIX. Quá trình chuyển sang Thái Bình rất ngắn (nhiều nhất là từ 1851-1867), và chuyển đi sau các chùa và làng Keo. Theo Đặng Xuân Bảng, Viên Quang chính là Diên Phúc: "Năm Kỷ Hợi niên hiệu Chương Thánh Gia Khánh thứ 1 (1059) triều Lý Thánh Tông, ngài 44 tuổi, tu ở chùa Hà Trạch, bạn cùng đức Nguyễn Giác Hải và đức Từ Đạo Hạnh, rời về tu tại chùa Diên Phúc, tức chùa xã Hộ Xá, sau đổi là chùa Viên Quang" (56).

Ba làng cùng xuất phát từ Giao Thủy, vậy Viên Quang, Diên Phúc, Thần Quang có mối quan hệ như thế nào? Chúng là một hay hai ngôi chùa khác nhau cùng tồn tại ở làng Giao Thủy. Căn cứ vào đoạn sau của *Hành Thiện xã chí* "Sau lại đổi tên chùa Viên Quang làm chùa Thần Quang và ban cho mỗi chùa 5 mẫu ruộng hương dướng" (57) thì chùa Viên Quang chính là chùa Thần Quang. Nếu như vậy thì chùa Diên Phúc, Viên Quang, Nghiêm Quang, Thần Quang, Giao Thủy, Keo là một. Khi ấy có thể phỏng đoán tại làng Giao Thủy, bản quán của Không Lộ thiền sư có chùa Giao Thủy nơi các vị thiền sư trụ trì, nơi Đình Bộ Lĩnh nghỉ chân. Khi một bộ phận cư dân di về làng Nghĩa Xá ngày nay, họ vẫn giữ tên Viên Quang tự. Bộ phận cư dân về Hành Thiện và Dũng Nghĩa giữ tên Thần Quang tự, chùa Keo. Tất cả đều từ một chùa gốc: chùa Giao Thủy, chùa Keo ở làng Keo/Giao Thủy. Tuy nhiên, cũng có khả năng chùa Giao Thủy thời Đinh không nhất thiết là 1 trong 2 chùa này (nếu thời Lý mới dựng), có thể nó chỉ tên chùa ở làng Giao Thủy. Bởi trong văn bia chùa Nghĩa Xá còn nhắc đến chùa cổ Long Kiều khi mô tả vị trí chùa Viên Quang thời Lý "phía trước mẫu nam, muôn khoảnh mây vàng giải đất; phía sau sông lớn, nghìn trùng sóng biển liển trời, bên tả hành cung đất

Hải, thuê cây đều giảm nhẹ xuân thu; bên hữu chùa cổ Long Kiều, chuông kệ thấy lắng nghe sớm tối" (58).

Tóm lại, đây là chùa Giao Thủy vẫn còn là ẩn số. Hy vọng những nguồn tư liệu mới được phát hiện trong tương lai có khả năng làm sáng tỏ vấn đề này. Dù vậy có thể tin rằng, dù ít dù nhiều, ngôi chùa Giao Thủy có mối liên hệ với các ngôi chùa Viên Quang (Nghĩa Xá), các chùa Thần Quang (Keo Trên, Keo Dưới) và cả với tên gọi Diên Phúc tự nữa.

2.4. Không gian văn hóa Giao Thủy

Trong tâm thức dân gian, Giao Thủy là nơi giao nhau của hai dòng nước: nước mặn theo thủy triều từ biển dâng lên và nước ngọt theo sông Hồng từ thượng lưu đổ xuống tạo thành nước lợ. C.L. Madrolle cho rằng Giao Thủy là Keo - một tên địa dư của lịch sử xa xưa nhắc lại danh từ của thổ ngữ Phúc Kiến. Theo ông "Trước hết có một từ ngữ, nguồn gốc từ đâu thì không giải thích được, đó là chữ Keo, mà người Tày ở vùng thượng du thường dùng để gọi người An Nam, nhưng mới nhìn thì có thể là do chữ Giao mà ra. Trước hết, chúng tôi đã lấy tên gọi ấy ở chùa Keo, một tên mà người dân làng Hành Thiện thường dùng để gọi đền Thần Quang. Như thế thì tên ấy không phải là người An Nam không biết đến và chúng tôi thấy rằng tên ấy được dùng trong địa hạt mà ở đấy những người di cư khẩn hoang đầu tiên của xứ Mãn Việt đã đặt chân đến. Cuối cùng, nếu chúng ta tìm kiếm nghĩa của từ Keo, chúng ta sẽ đọc được trong tự điển của P.G. Vallot giải thích là "keo dán", "chất dính để dán", nghĩa này rất phù hợp với chữ Giao trong Giao Thủy. Chúng tôi cũng cần nói thêm rằng từ ngữ này hình như không được dùng trong ngôn ngữ văn học mà chỉ được thông dụng trong ngôn ngữ của quần chúng nhân

dân. Song le làm sao mà chấp nhận được chữ Keo ấy đã có một tầm mở rộng đến thế, mà bây giờ người ta vẫn còn nghe nói tới ở miền thượng du. Ta hãy thử tìm ra lý do xem: "Keo" lúc khởi thủy có thể là một "phẩm từ" dùng để gọi những kẻ xâm lược. Sau, chữ ấy được dùng rộng ra cho tất cả những người An Nam, khi mà những thủ lĩnh của họ Lạc đã trở thành chủ nhân ông của tam giác châu" (59). Giáo sư Trần Quốc Vượng trong *Việt Nam - cái nhìn địa văn hóa* muốn đi xa hơn khi cho rằng có thể lý giải tộc danh Kinh - Việt, tộc người đóng chủ thể trong suốt quá trình lịch sử Việt Nam mà người Tày Thái cổ gọi là "cần Keo" (người Keo), chữ Hán đọc là KGeo (Keo) - là cách gọi cư dân canh tác ở vùng Giao Thủy, mà như thư tịch cổ Trung Quốc chép thì họ "theo nước triều lên xuống mà làm ruộng".

Bắc Kỳ thời cổ đại khảo cứu về cư dân vùng tam giác châu lưu ý đến nhóm người Hải Hậu: "Trên bờ nam sông Hồng, nhờ phương pháp do người mà chúng ta đã thấy có một loại dân tộc mà sự có mặt của họ chưa được nêu lên. Đó là nhóm người ở miền duyên hải Hải Hậu. Nhóm này chiếm một khoảng đất hẹp ven biển do hai nhánh sông ở phía hạ lưu sông Hồng làm giới hạn bao bọc lấy các huyện Xuân Trường, Giao Thủy và Hải Hậu. Nhóm người Bắc Kỳ này tầm vóc cao (1m64) đã vượt ra khỏi vành đai nước (ý nói vượt sông Ninh Cơ và sông Hồng) và làm lũng tầm vóc của các người dân ở các huyện láng giềng như Trực Ninh, Nam Trực (1m62) và ảnh hưởng cả đến tầm vóc các người ở sát bờ sông như dân huyện Tiến Hải và huyện Mỹ Lộc. Tầm vóc đặc biệt này ở bên cạnh những phần tử mà tầm vóc khác với nó ít nữa cũng là 5cm, thật ra là một điều kỳ lạ... vì thế người ta có thể kết luận rằng nhân dân ấy (tức những người dân Hải Hậu) không phải là "thổ dân" mà là dân nhập cảng (ở nơi khác di cư

đến đó)" (60). Vùng đất Hải Hậu theo cách gọi của ông trên thực tế là vùng đất mới của sông, ven biển và lịch sử khai phá gần đây là góp phần tạo nên nó. Những dấu ấn di dân còn có khả năng theo dấu được cho thấy phần lớn quá trình khai khẩn là do di dân từ các vùng đất cũ của châu thổ. Tuy nhiên, những đặc điểm khác biệt về mặt thể chất không thể bỏ qua, nhất là liên quan đến một không gian văn hóa của sông ven biển. Còn nhiều vấn đề phải nghiên cứu về không gian văn hóa Giao Thủy liên quan đến công cuộc thống nhất đất nước của Đinh Bộ Lĩnh, sự xuất hiện của 3 vị thiên sư nổi tiếng thời Lý ở chùa, làng Giao Thủy, với hành cung thời Trần. Nhưng ít nhất, một không gian Phật giáo Keo với những ngôi chùa Keo, chùa Nghĩa Xá, chùa Cổ Lễ vẫn còn hiện diện ở vùng Nam Định ngày nay.

Không gian văn hóa Giao Thủy, tuy vậy cần phải được định vị theo thời gian cụ thể. Ban đầu, thế kỷ X Giao Thủy nằm ở khu vực làng Hộ Xá, Quán Các (Tân Thịnh, Nam Trực ngày nay), song đến thế kỷ XIX, nó trải xuống trung tâm Xuân Trường ngày nay, trong khi thế kỷ XX vùng đất gốc Giao Thủy không còn liên quan đến huyện Giao Thủy mới được thành lập.

3. Một vài nhận xét

Giao Thủy và Độc Bộ là hai địa danh được định vị khác nhau trong không gian, thời gian và lịch sử phát triển vùng duyên hải Bắc Bộ. Tên gọi Giao Thủy có lịch sử lâu dài hơn, ít nhất đã được khẳng định chắc chắn từ thế kỷ X nếu không tính đến những dẫn giải xa hơn có liên quan đến Giao Chỉ thời cổ đại. Trong khi đó, mới chỉ có thể xác định niên đại tương đối muộn của Độc Bộ là thế kỷ XVII. Giao Thủy vẫn đang tiếp tục vươn dài ra biển nhờ sự bồi lấp của các cửa Ba Lạt và Hà Lạt, thì Độc

Bộ đã neo lại vùng ngã ba Độc Bộ cách biển hàng chục cây số. Độc Bộ gắn với hạ lưu sông Dáy, trong khi Giao Thủy gắn với sông Hồng, và đó là hai dòng chảy chính kẹp lấy và bồi tụ nên vùng đất Nam Định ngày nay. Dù có khác biệt, nhưng hai địa danh Giao Thủy và Độc Bộ mang một số đặc điểm chung có thể khái quát cho nhiều địa danh khác nữa vùng cửa sông ven biển.

Những địa danh này đều mang tính đa nghĩa, nhằm chỉ tên sông, chùa hoặc đòng để chỉ một đơn vị tụ cư, đơn vị hành chính. Thậm chí theo thời gian một đơn vị hành chính cấp cơ sở lại được mở rộng, từ xã thành huyện... Sự tập trung các địa danh ở một khu vực gắn liền với các dòng chảy cho thấy mối liên hệ mật thiết giữa chúng. Dù chưa rõ người xưa đã dùng tên sông để đặt cho chùa gần sông, vùng đất ven sông... hay ngược lại, lấy tên làng đặt cho sông, chùa..., song nhìn từ lịch sử phát triển của vùng đất này, có thể khẳng định các địa danh này quay quanh các dòng/cửa sông và tất cả chúng cuối cùng đã hình thành nên một không gian văn hóa của sông giàu sức sống và sinh động.

Sự bồi lấp của những cửa sông, gắn liền với quá trình quai đê lấn biển ở vùng hạ lưu các dòng sông này đã mở rộng phạm vi vùng đất Giao Thủy và Độc Bộ. Thêm vào đó, việc thay đổi dòng chảy dẫn đến sự sụt lở bờ sông, cùng với quá trình khai phá vùng đất mới cũng góp phần làm cho các địa danh này được "mang đi" giữa hai bờ dòng chảy", cũng như được "mang theo" dọc sông về phía hạ lưu. Ở đây, việc các địa danh "trôi" theo cả chiều ngang và chiều dọc của các con sông phản ánh hai xu hướng song hành trong quá trình lịch sử di dân vùng cửa sông ven biển gắn liền với các dòng chảy: phát triển theo chiều ngang, từ dòng sông lan tỏa ra hai bên tả ngạn và

hữu ngạn; và phát triển theo chiều dọc, từ thượng lưu xuống hạ lưu. Chính quá trình như vậy không chỉ mở rộng không gian vật chất mà còn có ý nghĩa mở rộng không gian tinh thần. Mỗi cộng đồng cùng gốc gác, chia sẻ việc thờ cúng một vị thần sư, hay các ngôi chùa cùng mang tên Keo đã góp phần quan trọng tạo nên những không gian văn hóa cho cả vùng và mang đến màu sắc mới cho địa danh gốc.

Hiện tượng "địa danh trôi" theo cả chiều ngang và chiều dọc xung quanh các dòng sông cùng tính hàm ẩn của các tên gọi vùng cửa sông một mặt là chỉ dẫn hữu ích, giúp người nghiên cứu lần tìm dấu vết của một yếu tố này dựa trên những yếu tố khác, song mặt khác tính không thống nhất khi cùng địa danh có lúc chỉ làng, lúc lại là ấp, hương, vạn, xã, huyện... dễ khiến người ta nhầm lẫn. Điều đó đòi hỏi khi nghiên cứu lịch sử vùng đất ven biển cần phải đặt trong chính bối cảnh hình thành và phát triển của vùng đất này, tức phải đặt nó trong hai quá trình thành tạo tự nhiên và quá trình lịch sử khai hoang lập làng. Để xác định một địa danh lịch sử cụ thể khi đó cần phải dựa trên những kết quả nghiên

cứu địa lý địa mạo, kết hợp với nghiên cứu lịch sử di dân trong vùng. Tư liệu địa phương, nhất là tri thức dân gian từ những nguồn truyền miệng có được từ khảo sát điền dã sẽ là nguồn bổ sung, đối sánh và kiểm chứng tuyệt vời cho khối tư liệu thư tịch cổ quen thuộc của giai đoạn nghiên cứu trong phòng làm việc. Có đặt địa danh lịch sử trong bối cảnh thời gian - không gian cụ thể mới tránh được tình trạng gán một sự kiện nào đó cho một vùng đất mãi về sau mới hình thành.

Có những dấu hiệu cho thấy Giao Thủy từng được mang sang bên tả ngạn sông Giao Thủy với việc hình thành làng Dưng Nhuệ (Dưng Nghĩa) và chùa Keo Trên; hay cửa sông Độc Bộ có thể thuộc Yên. Khánh ngày nay song chủ yếu địa danh Độc Bộ nằm ở bên tả ngạn sông Độc Bộ và Giao Thủy lại chủ yếu ở hữu ngạn sông Giao Thủy. Việc sông Độc Bộ và sông Giao Thủy - mặc dù đóng vai trò chủ điểm trong việc hình thành một không gian văn hóa - có lẽ trung tâm, cầu nối giữa hai bờ của không gian văn hóa ấy hay không vẫn là điều mà chúng tôi chưa thể giải đáp được.

CHÚ THÍCH

(1). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, T.3, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 2006, tr. 397.

(2). *Tuyển tập Cao Xuân Dục*, T.4, *Đại Nam dư địa chí ước biên*, Hoàng Văn Lâu dịch và chú thích, Nxb. Văn học, 2003, tr. 336.

(3). Nguyễn Quang Anh, *Nghiên cứu địa mạo phục vụ xác định hệ thống giao thương cổ vùng hạ lưu sông Đáy*, Khóa luận tốt nghiệp ngành Địa lý, Hà Nội, 2009, tr. 20-21.

(4). Ngô Sĩ Liên, *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb. Khoa học xã hội, T.1, tr. 226.

(5). Ngô Sĩ Liên, *Đại Việt sử ký toàn thư* chép vào năm Quý Hợi (1203) "Tháng 9, người ở Đại Hoàng giang lại làm phản. Trước đây người Đại Hoàng giang là Phí Lang và Bảo Lương tâu các tội một nước hại dân của Đàm Dĩ Mông, Dĩ Mông giận lấy roi đánh. Bọn Lang vì thế chứa chất oán giận, nhân khi thiên hạ sấu khổ muốn làm loạn, mới cùng nhau làm phản. Vua sai chi hậu Trần Lệnh Hinh làm Nguyên soái đem quân đi đánh. Lại sai Thượng thư Từ Anh Nhữ đem quân phủ Thanh Hóa đồng thời tiến đánh Phí Lang, giao chiến ở cửa sông Lộ Bô". Xem Ngô Sĩ Liên, *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb. Khoa học xã hội, T.1, tr. 332. Sách

này có chủ thích về sông Lộ Bố như sau: *Cương mục dẫn Thiên hạ quận quốc lợi bệnh thư* nói Lộ Bố là sông ở địa phận Ý Yên (CMCB3, 30a). Như vậy, có thể cho rằng sông Lộ Bố là đoạn sông Dáy chảy qua huyện Ý Yên tỉnh Nam Định, và cửa sông Lộ Bố là ở chỗ sông Hoàng Long gặp sông Dáy, tức là tên gọi khác của sông Đại An, cửa Đại An thời Trần.

(6). *Tên làng xã Việt Nam đầu thế kỷ XIX (thuộc các tỉnh từ Nghệ Tĩnh trở ra)*, Nxb. Khoa học xã hội, tr. 248.

(7). Ngô Vi Liễn, *Tên làng xã và địa dư các tỉnh Bắc Kỳ*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 1999, tr. 232.

(8), (9). Đặng Xuân Bảng, *Sử học bị khảo*, Viện sử học, Nxb. Văn hoá Thông tin, Hà Nội, 1997, tr. 176, 174.

(10). Nguyễn Quang Ngọc (Chủ biên), *Địa chí Nam Định*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2003, tr. 76.

(11), (12). *Hệ thống cảng bến duyên hải Bắc Bộ thế kỷ XI - đầu thế kỷ XX*, Đề tài Khoa học Trọng điểm cấp Đại học Quốc gia Hà Nội, Mã số QGTD.04.06 do GS.TS Nguyễn Quang Ngọc chủ trì.

(13). Dampier, *Voyages and Discoveries*, 14-15.

(14). Nguyễn Quang Anh, *Nghiên cứu địa mạo phục vụ xác định hệ thống giao thương cổ vùng hạ lưu sông Dáy*, Khóa luận tốt nghiệp ngành Địa lý, Hà Nội, 2009, tr.87-88.

(15). Trần Quốc Vượng, *Mấy suy nghĩ về văn hóa học Việt Nam*. Nguồn: http://www.vaa.org.vn/News_print.asp?id=2227.

(16). *Địa bạ Đồi Trung* năm Minh Mệnh 14 còn ghi tên các xứ đóng: Xứ Đường Chợ, xứ Trung Thị, xứ Ngã Ba, xứ Đống Cửa, xứ Thần Dinh, Đống Nại, xứ Dội Dực, xứ Đống Thố, xứ Đống Động, xứ Trong Làng, xứ Ngõ Huyện, xứ Cửa Chùa, xứ Phật Tỳ, xứ Mã Suối, xứ Mã Cối, xứ Mã Da, xứ Cửa Giác, xứ Trung Thôn, xứ Cửa Sổ, xứ Con Cây, xứ

Cam Cối, xứ Trại Thôn, xứ Đống Cống, xứ Hậu Thôn, xứ Trại Thôn

(17), (18), (19). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, sđd, tr. 331, 329, 331.

(20). Chợ Đồi thuộc xã Đồi Trung (nay là xã Yên Đồng) nằm cách chợ Đồi mới (thuộc Yên Thố) khoảng 2 km. Trước kia chợ họp ngay trên bến sông, kéo dài hàng cây số từ bến Vạn đến bến Chợ.

(21). Theo tâm thức dân bản địa, những cư dân vốn là thương nhân phương Bắc, do dừng chân buôn bán tại đây khá lâu nên phải cư trú lại, dần dần hình thành xóm của những thương nhân Trung Quốc mang tên xóm Thạch tỉnh ở chợ giữa.

(22). Tìm được tại khu vực bến chợ Đồi, nay được lưu tại đền Phúc Lộc - Yên Thố.

(23). Cùng vợ cả Lâm Thuý Hoa, vợ thứ Lâm Thu Nguyệt xuất một nghìn tiền cổ và cúng ba mẫu ruộng, một khu đất ao để làm hương báo.

(24). Ban Quản lý Di tích và Danh thắng Nam Định, *Hồ sơ tư liệu Hán Nôm di tích phủ Quảng Cung, xã Yên Đồng, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định*, Nam Định, 2004, tr. 12.

(25). Hương ước làng Đồi Trung đã được khắc vào bia đá, dựng ở đình Nội năm 1761. Sau này, khi đình bị giặc tàn phá, bia bị đem ra làm cầu ao ở một bến sông. Văn bia ước khoảng 2400 chữ cho biết kỹ lưỡng viên quan dịch mục xã Đồi Trung hội ở đình Đồi Thị bàn việc hương ước. Tài liệu này được Dương Văn Vượng giới thiệu. Chúng tôi không còn có thể tiếp cận được với tài liệu gốc nên những thông tin ở đây là dựa trên bài giới thiệu của ông.

(26). Nguyên văn: "Đại An Đồi thị hành thương cư cổ chi sở nguyện tàng, Nam nhân, Bắc lễ chi sở tất tập".

(27). *Điều 8*, hương ước xã Đồi Trung.

(28), (32), (49). Nguyễn Ôn Ngọc, *Nam Định tỉnh địa dư chí mục lục*, quyển II, bản dịch của Trần Lê Hữu năm 1966, bản viết tay lưu tại Tủ

liệu Khoa Lịch sử, kí hiệu LS-TL/0231, tr. 203, 146, 237.

(29). “Tục truyền rằng ngày xưa có một người buôn trâu không, thường đi ra Tràng An để buôn bán. Đến cầu khấn ở miếu vua Đinh Tiên Hoàng, thường được linh ứng, mỗi lấy trộm lư hương đem về.” Xem Nguyễn Ôn Ngọc, *Nam Định tỉnh địa dư chí mục lục*, quyển II, bản dịch của Trần Lê Hữu năm 1965, bản viết tay lưu tại Tư liệu Khoa Lịch sử, kí hiệu LS-TL/0231, tr.164.

(30). Nguyễn Ôn Ngọc, *Nam Định tỉnh địa dư chí mục lục*, quyển 2, bản dịch Trần Lê Hữu 1965, tr. 147. Tài liệu chép tay lưu tại Phòng Tư liệu Khoa Sử, KH LS-TL 0231.

(31). Điều 5, hương ước làng Dối Trung.

(33), (35). Dương Văn Vương, *Bia đá hương ước thời Lê ở Ý Yên, Nam Định*, in trong *Những phát hiện mới về Khảo cổ học năm 1997*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội. 1998, tr. 476-477, 477

(34). Điều 3: Mỗi khi xã ấy có việc thì lấy tiền công từ 35 mẫu ruộng, dã trừ 26 mẫu chia cho các chức dịch gánh việc. Nếu có kẻ cậy sức mạnh đè nén người trong xã, cướp bóc, xâm chiếm ruộng đất nhà cửa, mà được chức dịch giúp ngầm khi phát giác trong xã có thể tùy tiện đánh chết tên chức dịch và đuổi cả nhà tên ấy đi khỏi làng, không cần đợi sự phán giải của huyện quan.

(36). Ngô Sĩ Liên, *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb. Khoa học xã hội, T.1, tr. 168.

(37), (38). Đặng Xuân Bảng, *Sử học bị khảo*, sđd, tr. 175, 387.

(39). Sông Lác ở tây nam huyện Chân Ninh, nước từ ngã ba Dừng Nhuet sông Giao Thủy chảy về phía nam qua các sông Phương Đế, Bắc Cầu và Quán Mông.

Sông Kênh Đào: ở phía nam huyện Chân Ninh, nước từ sông Giao Thủy chia ra chảy về phía tây bắc, bỏ qua các sông Lộ Xuyên, Phù Kim, Diên

Lãng và Lạc Chính.

Xem Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, sđd, tr. 326.

(40). Đặng Xuân Bảng, *Sử học bị khảo*, sđd, tr 421.

(41). *Hồ sơ di tích lịch sử văn hóa chùa Nghĩa Xá*.

(42). *Hành Thiện xã chí*, *Hành Thiện tương tế hội ấn hành*, Gia Định, 1974, tr.14.

(43). *Hành Thiện xã chí*, sđd, tr. 19.

(44). *Hành Thiện xã chí*, sđd, tr. 22.

(45). Nguyễn Trãi, *Dư địa chí*, tr. 223.

(46). *Tên làng xã Việt Nam đầu thế kỷ XIX*, sđd, tr. 58.

(47). *Hành Thiện xã chí*, *Hành Thiện tương tế hội ấn hành*, Gia Định, 1974, tr. 14.

(48). *Việt điển u linh*, tr. 214.

(50). *Thiên uyển tập anh*, tr.138.

(51). *Linh Nam chích quái*, sđd, tr. 88.

(52). Phạm Đức Duật, Bài Duy Lan: *Chùa Keo*, *Sở Văn hóa Thông tin tỉnh Thái Bình*, tr. 33.

(53). *Linh Nam chích quái*, sđd, tr. 87. Cũng xem *Thiên uyển tập anh*, sđd, tr. 105.

(54). *Hành Thiện xã chí*, sđd, tr. 17.

(55). Phạm Đức Duật, Bài Duy Lan: *Chùa Keo*, *Sở Văn hóa Thông tin tỉnh Thái Bình*, tr. 34.

(56), (57). *Hành Thiện xã chí*, sđd, tr. 20, 22.

(58). *Hồ sơ di tích lịch sử văn hóa chùa Nghĩa Xá*.

(59), (60). C.L. Madrolle, *Bắc Kỳ thời cổ đại: Luy Lâu (hoặc Liên Lâu) và những quận huyện Trung Hoa ở thời kỳ nhà Hán. Nhân dân Việt Thường*, trích B.E.E.F.O. Tập XXXVII, tr. 263-332, 1937, Đào Trọng Lũy dịch, Tài liệu in Typô, Lưu tại Tư liệu Khoa Lịch sử, Ký hiệu LS-TL/0123, tr. 101-102, 85.